KINH ĐÔ CỔ LOA: QUA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH

PGS.TS. Lại Văn Tới

(Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)

I. CỔ LOA - KINH ĐÔ CỦA NHÀ NƯỚC ÂU LẠC (THẾ KỶ III - II TCN)

Lịch sử Kinh đô Cổ Loa gắn liền với lịch sử khu di tích Cổ Loa. Quy mô Kinh đô Cổ Loa được hiểu gồm những nơi luỹ - hào Cổ Loa được xây đắp. Khu di tích Cổ Loa là phạm vi phân bố của thành Cổ Loa và vùng lân cận.

Nghiên cứu lịch sử Kinh đô Cổ Loa không thể không nghiên cứu thành Cổ Loa và ngược lại, nghiên cứu thành Cổ Loa không thể không dựa vào kết quả nghiên cứu lịch sử khu di tích Cổ Loa.

Tư liệu khảo cổ học cho đến nay đã chứng minh Cổ Loa là một vùng đất đóng vai trò to lớn trong quá trình mở rộng và hội tụ của văn hóa Đông Sơn. Cổ Loa là mảnh đất hội đủ điều kiện cho sự phát triển liên tục tiến tới khuynh hướng tập trung để trở thành trung tâm kinh tế, chính trị lớn nhất trong quá trình hình thành nhà nước sơ khai.

Theo tư liệu thư tịch cổ Việt Nam, Trung Quốc và truyền thuyết dân gian, vào năm 208 BC, nước Âu Lạc được thành lập trên cơ sở tiếp nối nước Văn Lang thời các Vua Hùng. Kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá Âu Lạc đều tiếp tục phát triển trên cơ sở thành tựu đã đạt được của nước Văn Lang. Văn hoá Đông Sơn vẫn là cơ sở văn hoá chung của nước Văn Lang và nước Âu Lạc. Đặc biệt, do yêu cầu chống giặc ngoại xâm, trong thời Âu Lạc, kỹ thuật quân sự có bước tiến vượt bậc (Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, 2007: 171)

An Dương Vương với tầm nhìn chiến lược đã chuyển đô từ Việt Trì về Cổ Loa và quy hoạch, xây dựng Kinh đô mà trọng tâm là xây thành Cổ Loa làm trung tâm đất nước[1]. Thành Cổ Loa nổi tiếng là một pháo đài kiên cố với thành cao, hào sâu, quân đội thường trực ở Cổ Loa có đến hàng vạn người, cả bộ binh và thuỷ binh, vũ khí trang bị

---

[1] Sách *Quảng Châu ký* (do *Sử ký sách ẩn* dẫn), *Nam Việt chí* (*Cựu Đường thư - Địa lý chí* dẫn), *Thuỷ Kinh chú, Tuỳ thư, An Nam chí lược* và các sách Việt Nam như: *Lĩnh Nam chích quái, Dư địa chí* (của Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử Ký toàn thư* cho rằng, An Dương Vương sau khi lập nước Âu Lạc đã định đô ở Cổ Loa và đắp thành lũy kiên cố (Đỗ Văn Ninh 1983; Trần Quốc Vượng 1969; Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân 2007).

Sơ thảo/Draft Only!

Không trích dẫn nếu chưa được phép của Tác giả/Do not cite, quote without permission

hiện đại, đặc biệt với nỏ thần liên châu bắn một lần được nhiều mũi tên cùng với sự đoàn kết trên dưới một lòng, quân dân Cổ Loa-Âu Lạc đã khiến cho quân Triệu Đà không sao dùng sức mạnh phá nổi.

Tuy nhiên, Cổ Loa không được ổn định để chuyên chú vào việc xây dựng kinh tế, xây dựng văn hoá - văn minh, mà họa xâm lược từ phương Bắc luôn luôn đe doạ. Không thắng được An Dương Vương bằng quân sự, Triều Đà phải dùng nhiều mưu kế xảo quyệt. Vì chủ quan, mất cảnh giác nên An Dương Vương mắc mưu địch và thất bại trước cuộc xâm lược của Triều Đà vào năm 179 BC.

Cuộc kháng chiến chống Triệu thất bại không những làm cơ đồ Âu Lạc bị chìm đắm mà còn đưa đất nước vào thảm họa hơn nghìn năm Bắc thuộc. Thời Bắc thuộc, các chính quyền cai trị Trung Hoa vẫn chọn Cổ Loa làm thủ phủ. Người Việt mỗi khi đứng lên chống lại sự thống trị và chống đồng hoá như khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, của Lý Phật Tử, đều chọn Cổ Loa làm điểm tựa về tinh thần và vật chất. Như vậy, mặc dù không còn là Kinh đô, nhưng Cổ Loa vẫn được người Việt hướng về để tăng thêm sức mạnh trong cuộc đấu tranh khôi phục nền độc lập dân tộc (Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, 2007: 5 - 6).

Khi Ngô Quyền chọn thành xưa của An Dương Vương làm Kinh đô với ý đồ "Nối lại quốc thống", "trung hưng lại đất Việt", khơi lại mạch nguồn truyền thống dựng nước và giữ nước của An Dương Vương, thì cùng với việc củng cố triều chính, "đặt trăm quan, chế định triều nghi phẩm phục", ông đã bồi túc thêm thành trì và xây dựng mới điện đài, cung tẩm ở Cổ Loa.

Chính quyền nhà Ngô không duy trì được lâu dài. Năm 944, Ngô Quyền mất, chính quyền Cổ Loa tan rã (năm 965), đất nước loạn lạc, loạn mười hai sứ quân nổi lên ở khắp nơi, kéo dài đến khi Đinh Bộ lĩnh cờ lau dẹp loạn, thống nhất sơn hà, chuyển đô về Hoa Lư (Ninh Bình), năm 968 và đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Trải các đời Đinh - Tiền Lê, nền độc lập - thống nhất của dân tộc được củng cố vững chắc. Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô về thành Đại La và đổi tên thành Thăng Long. Một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên Thăng Long-Hà Nội bắt đầu. Cổ Loa bước vào quá trình nông thôn hoá như bao vùng nông thôn khác của châu thổ Bắc Bộ.

Hiện nay còn có nhiều ý kiến về chức năng của thành Cổ Loa. Theo Hà Văn Tấn (2002: 30), thì Cổ Loa là **thành thị sớm,** và là tòa thành cổ nhất. Đỗ Văn Ninh (1989), cho Cổ Loa là **"Đô" mà chưa là "Thị"** (Đỗ Văn Ninh, 1989: 76). Nguyễn Quang Ngọc và

Vũ Văn Quân cho rằng, thành Cổ Loa có "nhiều mục đích và công năng: kinh thành, quân thành – trước hết, và thị thành (như là một hệ quả, một quy luật của sự phát triển" (Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, 2007: 447). Nam Kim và cộng sự (2010: 58) với các kết quả nghiên cứu khảo cổ học mới nhất thì cho là **"trung tâm sơ đô thị" có cả chức năng quân sự và tính biểu tượng về quyền lực chính trị** (Nam C Kim, Lại Văn Tới và Trịnh Hoàng Hiệp, 2010: 46-61. Theo chúng tôi, Cổ Loa có chức năng quan trọng nhất là Kinh đô của nhà nước Âu Lạc (Lại Văn Tới, 2015: 129 - 156).

Thành Cổ Loa, nơi vua An Dương Vương định đô, là tòa thành bảo vệ vua và triều đình Âu Lạc, là Kinh thành/Kinh đô-trung tâm của nhà nước Âu Lạc. Để đảm nhận chức năng bảo vệ An Dương Vương và triều đình Âu Lạc, thành Cổ Loa là **tòa thành phòng thủ**, một công trình quân sự vĩ đại của nước Âu Lạc. Công trình quân sự này được quy hoạch và thiết kế hoàn hảo. Sự kết hợp giữa lũy đất cao với hào sâu, đầm hồ trong thành và hệ thống sông ngòi ngoài thành, khiến Cổ Loa trở thành một quân cảng, vừa thuận lợi vận động tác chiến trên bộ, vừa phát huy được tài thuỷ chiến, vừa phát huy tối ưu sức mạnh của các loại vũ khí, vừa ngăn cản, khống chế khả năng tấn công của quân địch.

Cùng với hệ thống lũy-hào khép kín, giữa các vòng thành và ngoài thành Ngoại còn có các đoạn lũy và ụ đất được bố trí và sử dụng như các "công sự" phòng vệ, kết hợp chặt chẽ với nhau thành một công trình kiến trúc mang tính chất phòng vệ quân sự quy mô to lớn và vững chắc.

Sự thành lập nhà nước Âu Lạc có công lao rất lớn của Thục Phán - An Dương Vương - thủ lĩnh quân sự đã lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống Tần. Ông đã bảo vệ, phát triển cộng đồng Lạc - Việt lên một tầm cao mới. Tuy nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương chỉ tồn tại trong khoảng 30 năm nhưng những việc đã làm được của An Dương Vương là minh chứng cho sức sống và khát vọng vươn lên của ông cha ta trong lịch sử và chứng tỏ nền văn hiến lâu đời, lịch sử dựng nước sớm của dân tộc Việt Nam mà còn tạo lập một nền tảng bền vững cho toàn bộ sự sinh tồn và phát triển của quốc gia dân tộc Việt Nam sau đó.

II. KINH ĐÔ CỔ LOA VỚI HƯỚNG TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH

Kinh đô Cổ Loa được nhiều nhà khoa học trong nước và nước ngoài quan tâm nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau. Song tiên phong theo hướng tiếp cận liên ngành

và đạt được nhiều thành tựu quan trọng thuộc về cố Giáo sư Trần Quốc Vượng. Trong khuôn khổ bài tham luận, tôi xin giới thiệu quan điểm của ông trong nghiên cứu về Kinh đô Cổ Loa.

Trước hết cần khẳng định "Ông là một trong những người khơi mở và đi đầu trong hướng tiếp cận liên ngành và đa ngành trong nghiên cứu các ngành sử học, văn hoá..." (Lâm Thị Mỹ Dung, 2011: 159-167.) Ông tự bạch: "Thực ra thì trong công việc, tôi thường theo lối tiếp cận liên ngành (*Interdisciphinary Approach*) kết hợp Sử - Khảo cổ - Nhân học - Dân gian học - Môi trường sinh thái học…" (Trần Quốc Vượng, 2000: 977).

Quan điểm tiếp cận liên ngành, đa ngành được cố GS. viết trong bài: *Từ truyền thuyết, ngôn ngữ đến lịch sử* trong tác phẩm: *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm* như sau:

Tất cả các bộ môn khoa học xã hội Việt Nam - và, một phần nào, cả khoa học tự nhiên như nhân loại học chẳng hạn - đều có thể và cần phải xuất phát từ chức năng và phương pháp riêng của bộ môn mình để tham gia, đóng góp vào việc nghiên cứu vấn đề Hùng Vương.

Và Phương pháp nghiên cứu tổng hợp là một phương pháp đúng đắn về nguyên tắc đối với tất cả các nghiên cứu nào về bất cứ một vấn đề gì… Tài liệu mọi mặt về lịch sử nước ta thời cổ vừa ít, vừa tản mạn, lại càng đòi hỏi chúng ta phải áp dụng phương pháp nghiên cứu tổng hợp… Dựa vào tài liệu khảo cổ, thông thường chúng ta chỉ dựng được "bộ xương" của lịch sử. Cần phải dựa vào nhiều tài liệu khác để "đắp thịt, đắp da" cho nó.

(Trần Quốc Vượng, 2000: 151-162; Lâm Thị Mỹ Dung, 2011: 159-167).

Khu di tích lịch sử Cổ Loa được Ông nghiên cứu từ rất sớm, ngay sau khi phát hiện kho mũi tên đồng ở Cầu Vực (xã Cổ Loa, 1959). "Phương hướng nghiên cứu khu vực Cổ Loa" được giáo sư bày tỏ ngay từ khi thực hiện đề tài nghiên cứu đầu tiên của khoa Lịch sử - trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, năm 1966 như sau:

Cổ Loa là một khu di tích lịch sử và khảo cổ, bao gồm nhiều di tích thuộc nhiều thời đại, từ thời trước Hùng Vương đến thời phong kiến độc lập.

Nghiên cứu một đề tài phong phú và phức tạp như vậy đòi hỏi phải áp dụng một phương pháp nghiên cứu tổng hợp. Dưới ánh sáng của đường lối tìm hiểu và phát huy tinh hoa dân tộc của Đảng và phân tích lịch sử theo quan điểm mác xít, phải kết hợp sự nghiên cứu của nhiều ngành khoa học tự nhiên (địa lý học, địa chất học, sinh vật học…)

và nhất là của nhiều ngành khoa học xã hội (khảo cổ, sử học, dân tộc học, văn học dân gian, ngôn ngữ học...) trên cùng một địa bàn Cổ Loa và các vùng chung quanh, phải biết hội tụ và tổng hợp các kết quả nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau để rút ra những kết luận thuộc về lịch sử.

(Trần Quốc Vượng, 1969: 104).

Quan điểm nghiên cứu tổng hợp được cố GS. thể hiện một các tự nhiên như nhu cầu thường xuyên nhưng không thể thiếu được khi nghiên cứu về Cổ Loa như sau:

Đến thăm Cổ Loa, cây đa, giếng nước, am Bà Chúa, Đền Thượng, Ngự Xạ đài, mỗi vòng thành, mỗi gò đất, mỗi bãi sông đều có thể - qua lời kể chất phác của nhân dân và qua những di tích tại chỗ gợi lên những kỷ niệm, khi bi đát, lúc hào hùng về một giai đoạn lịch sử đầy lo âu và biến động của lịch sử Việt Nam: Thời kỳ Âu Lạc.

(Trần Quốc Vượng, 1969: 102).

III. KẾT QUẢ TIẾP CẬN LIÊN NGÀNH TRONG NGHIÊN CỨU KINH ĐÔ CỔ LOA

3.1. Kinh đô Cổ Loa qua tư liệu lịch sử

Các thư tịch cổ Trung Quốc như: *Sử ký của Tư Mã Thiên, Tiền Hán thư* do Cố Ban biên soạn vào đời Đông Hán, *Hậu Hán Thư, Quảng Châu ký* (do *Sử ký sách ẩn* dẫn), *Nam Việt chí* (do *Cựu Đường thư - Địa lý chí* dẫn), *Thuỷ kinh chú* (thế kỷ thứ 6), *Tuỳ thư,* ... và thư tịch cổ Việt Nam, như: *Đại Việt sử lược* (cuối thế kỷ 14), *Đại Việt sử ký toàn thư* (đời Lê), *Lĩnh Nam chích quái, Dư địa chí* (của Nguyễn Trãi),... đều chép về sự hình thành, thời gian tồn tại của nước Âu Lạc, về danh hiệu An Dương Vương, về vị trí, tên gọi, quy mô của thành Cổ Loa... Tuy nhiên, những ghi chép thường trùng lặp, không chính xác, gây những nghi ngờ về sự chính xác, trung thực của tư liệu.

Tổng hợp những ghi chép của thư tịch cổ, truyền thuyết dân gian và phê phán những quan điểm không phù hợp, các nhà khoa học Việt Nam, trong đó có cố Giáo sư Trần Quốc Vượng cho rằng, Thục Phán là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc Tây Âu (hay Âu Việt)... là láng giềng gần gũi của nhau, có sự cư trú xen kẽ với nhau ở phía nam Lưỡng Quảng và bắc Việt Nam.... Tây Âu ban đầu là một "nước" hay một liên minh bộ lạc lớn ở phía bắc nước Văn Lang đã phát triển từ vùng núi rừng và vùng trung du xuống miền đất cao phía bắc của châu thổ sông Hồng... Trong cuộc kháng chiến chống Tần ở miền núi rừng và trung du – địa bàn chủ yếu của người Âu Việt - Thục Phán đã chỉ huy chiến đấu lập nhiều chiến công lớn. Sau chiến tranh chống Tần (208 TCN) nhân uy tín sẵn có

và sự suy yếu của triều Hùng, Thục Phán đã đem quân bao vây và lật đổ triều Hùng. Thục Phán nhân đó xưng An Dương Vương, sát nhập hai vùng lãnh thổ Tây Âu, Lạc Việt lại làm một nước, đặt tên là Âu Lạc…

An Dương Vương rời trung tâm Âu Lạc từ miền trung du về vùng ngã ba sông Đuống, sông Hồng… và xây dựng ở vùng Chạ Chủ một toà thành làm trung tâm cho đô mới. Đó là thành Cổ Loa nổi tiếng (nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội) (Trần Quốc Vượng, 1988: 42-43; Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân 2007).

Quy mô, cấu trúc của thành Cổ Loa là quy mô cấu trúc của một thủ đô. Thành Cổ Loa không thể có sau thời Hán mà lại cũng không thể là một huyện thành đời Hán. Việc xây thành Cổ Loa chỉ có thể là Kinh thành của một nhà nước Việt Nam thời cổ có trước đời Hán, trước khi bị nhà Hán xâm chiếm và thiết lập chế độ quận huyện. Nhà nước đó, theo sử cũ là nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương (Trần Quốc Vượng, 1988).

Cấu trúc ba vòng thành Cổ Loa phản ánh rõ rệt sự phân hoá giai cấp. Tầng lớp vua chúa, quý tộc ở nhà ngói sân gạch. Thợ thủ công nói chung và nói riêng là nghề nung gạch ngói phục vụ nhu cầu kiến thiết cung điện phát triển cao, phản ánh một trình độ phát triển tương đương của nền kinh tế chung. Phải có một quyền lực xã hội mạnh mẽ mới có thể huy động được một lực lượng nhân công lớn đào hào, đắp luỹ, vận chuyển đá từ nơi khác đến để kè chân thành. Kỹ thuật đắp thành với các phương pháp kè đá, rải gốm, chống úng lầy, chống sụt lở phản ánh một trình độ kỹ thuật xây dựng cao, một trình độ tổ chức cao, một mức phát triển cao của trí tuệ và tài năng sáng tạo. Hình dáng thành, việc bố trí các công trình tiền vệ, bố trí các cửa thành, các đường đi trong thành… các "ụ pháo đài" trên thành, đặc biệt là thành Nội, thành vừa là căn cứ lục quân, vừa là căn cứ thuỷ quân… phản ánh một trình độ quân sự rất cao của nhân dân ta thời cổ. Người "tổng công trình sư" thiết kế thành Cổ Loa đã kết hợp và huy động được cả hai truyền thống tốt đẹp của người Âu, người Lạc "giỏ cung nỏ", "giỏi bơi lặn, thạo thuỷ chiến, giỏi dùng thuyền" trong một công trình phòng ngự (Trần Quốc Vượng 1969: 126).

3.2. Kinh đô Cổ Loa từ góc nhìn địa - kinh tế, địa - chính trị, địa - lịch sử

Với góc nhìn tổng hợp này, giúp chúng ta làm rõ vị thế của Kinh đô Cổ Loa trong lịch sử.

3.2.1. Đất Cổ Loa có địa thế sơn thuỷ hữu tình, không xa về phía bắc là dãy núi Tam Đảo, ngay sát phía nam là dòng sông Hồng. Đặc trưng địa mạo của chính khu đất xây dựng Kinh đô cũng tạo cho Cổ Loa một vị thế phòng thủ vững chắc. Cổ Loa - Đông Anh đó là các gạch nối giữa miền trung du và miền đồng bằng Bắc Bộ. Cái tính chất giáp ranh này được thể hiện:

- *Về mặt thổ nhưỡng:*

+ Từ một vùng đất pheralitic vàng đỏ phát triển trên nền phù sa cổ đến một vùng đất phù sa không được bồi có glây hoá trung bình hoặc mạnh, và đến một vùng bãi và phù sa trên bãi ngoài đê.

+ Từ một vùng đất bạc màu đến vùng đất cát pha, và đến vùng đất thịt.

- Về mặt nông nghiệp cổ truyền, đó là một vùng chuyển tiếp:

+ Từ đồng mùa đồng màu đến một vùng chiêm trũng;

+ Nó là cái gờ cuối cùng của một miền Bắc thềm cổ đứng trước, nhìn ra một vùng lõm võng của đồng bằng, trên đó tổ tiên ta từ ngàn xưa đã trồng nhiều loại lúa trên từng chân ruộng: lốc ba giăng ở vùng cao, tám di gié nếp ở mạn chân vàn, tám nước ở vùng sâu và chiêm bầu ở vùng trũng (Trần Quốc Vượng, 1998: 99-106).

- *Về mặt địa lý học lịch sử:*

Cổ Loa - Đông Anh nằm trong "tứ giác nước" với sông Cà Lồ ở phía Bắc và sông Đuống ở phía Nam, sông Cầu ở phía Đông, sông Hồng ở phía Tây. Ngày xưa có dòng chảy ngang giữa huyện đi qua dưới chân thành Cổ Loa, nối liền sông Hồng với sông Cầu, ngày nay đã trở thành con sông chết, chỉ còn từng đoạn, từng đoạn và được tích vào với hệ thống thuỷ nông hiện đại. Nửa đầu sông về phía Đông Bắc huyện được gọi là sông Thiếp, không có đê. Khúc giữ chảy qua Cổ Loa, được gọi là Hoàng Giang. Khúc cuối bắt đầu từ phía đông Cổ Loa, được gọi là sông Ngũ Huyện Khê.

Đê sông Cà Lồ ở vùng Nhạn Tái trở xuôi thấy có mộ Hán chôn đè lên trên. Đê Ngũ Huyện Khê ở phía Đông Cổ Loa cũng như thành Ngoại Cổ Loa… được coi là một khúc đê - thành bảo vệ kinh đô Âu Lạc, cũng có mộ Hán và lò gạch ngói Hán cổ xây đè lên trên (Trần Quốc Vượng, 1998).

Dấu vết còn lại, từ Đông Anh đến Sóc Sơn rải rác khắp nơi là một hệ thống ao chuôm cổ mà dân ta quen gọi là "vết chân ngựa Gióng". Đây là "địa hình âm" ở Cổ Loa.

3.2.2. Nghiên cứu Địa chất, môi trường cổ, đã giúp chúng ta hiểu được kỹ thuật xây đắp thành, đặc biệt là kỹ thuật gia cố chân thành ở những nơi đất lầy thụt gần

sông, hồ và hình dáng đường cong tự do khép kín của các vòng thành là do đắp nối các gò đất tự nhiên với nhau. Đồng thời cũng cho biết nguồn gốc vật liệu đắp thành và nhận biết được các loại "địa hình dương" ở đây.

Cố Giáo sư Trần Quốc Vượng viết:

Khi đắp thành, điều kiện địa hình ở khu vực Cổ Loa đã được nghiên cứu và vận dụng phù hợp, sáng tạo. Sông được dùng làm hào thiên nhiên cho thành Ngoại và cung cấp nước cho toàn bộ hệ thống hào của toà thành. Nhiều gò, đống, doi đất cao được đắp nối lại và đắp cao thêm làm thành một bộ phận hữu cơ của toà thành. Chính vì lẽ đó mà hai vòng thành Trung và thành Ngoại có dạng "đường cong tự do": chúng được đắp men theo bờ sông, lượn theo hai bên bờ đầm Cả và cố ý nối với nhiều gò đống có sẵn.

Người thời cổ đắp thành Cổ Loa trên khu đất cao, song vẫn nằm giữa các đầm lầy, ô trũng, lại ở ven một con sông. Vì vậy thành dễ bị sạt lở trong và sau những trận mưa lũ. Phải chăng vì thế, nảy sinh truyền thuyết "thành cứ xây xong lại đổ"? Để củng cố luỹ thành đắp bằng đất (không phải theo kỹ thuật trình tường ("bản trúc") như phần lớn thành cổ Trung Quốc), người xưa đã sáng tạo ra kỹ thuật kè đá tảng và rải gốm ở chân thành, rìa thành.

Thành Cổ Loa là một công trình lớn được xây dựng ở một thời và được sửa sang, cải tạo, tồn tại ở nhiều thời sau.

(Trần Quốc Vượng, 1969: 126)

Căn cứ vào đặc điểm nguồn gốc các kiểu địa hình, sự hiện diện của di tích thành Cổ Loa (luỹ và hào) cùng với hệ thống các di chỉ khảo cổ từ giai đoạn văn hoá tiền Đông Sơn - Đông Sơn là tiêu biểu là đặc trưng của địa hình nhân văn, phân biệt với loại địa hình tự nhiên.

3.3. Kinh đô Cổ Loa với tư liệu khảo cổ học

Kết quả điều tra, thám sát, khai quật và nghiên cứu khảo cổ học khu di tích Cổ Loa và vùng phụ cận đến nay, chúng ta có đủ cơ sở khoa học để xác lập một chuỗi/phổ hệ văn hoá liên tục thường được gọi là Diễn trình Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn biến hoá trong 2000 năm TCN. Tư liệu khảo cổ học cho thấy, trước khi là Kinh đô, khu vực Cổ Loa đã có nhiều lớp cư dân cổ định cư đông đúc, kinh tế - xã hội phát triển cao, là nơi sáng giá để An Dương Vương chọn định đô, xây thành. Hiện nay, tại khu di tích Cổ Loa (huyện Đông Anh - Tp. Hà Nội) còn di tích 3 vòng thành đất, là

thành Nội, thành Trung, thành Ngoại, có tổng chiều dài 16.150m. Căn cứ vào mặt cắt các vòng thành, các "ụ hoả hồi" và những hiện vật bên trong của tầng đất của hoả hồi cũng tương tự như các bộ phận khác của thành. Điều đó chứng tỏ *hoả hồi được đắp cùng thời với thành* (Trần Quốc Vượng, 1969: 114). Tư liệu gần đây nhất là kết quả khai quật ụ hoả hồi và thành Nội tại xóm Hương, tháng 11/2014 của Viện Khảo cổ học cũng cho kết quả tương tự (Viện Khảo cổ học, Trung tâm bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội, 2014). Và, căn cứ vào tình hình phân bố, tính chất của các di chỉ khảo cổ và các di tích kiến trúc tôn giáo trong các vòng thành, các nhà khảo cổ học có thể xác định được quy mô, cấu trúc của Kinh đô Cổ Loa. Bộ sưu tập di vật, đặc biệt là di vật đồng mà vũ khí có số lượng lớn nhất là minh chứng thuyết phục về chức năng phòng thủ, bảo vệ vua và triều đình Âu Lạc của thành Cổ Loa - chức năng Kinh đô/Kinh thành. Từ kết quả khai quật các vòng thành, các nhà khảo cổ học đã nhận biết và phân chia được những đợt/giai đoạn đắp thành, kỹ thuật đắp thành thời An Dương Vương và phần tu bổ, bồi đắp, xây dựng thêm về sau.

3.4. Kinh đô Cổ Loa qua tư liệu Dân tộc - Khảo cổ học

Qua tư liệu Dân tộc học, các nhà khoa học đã phân tích có sức thuyết phục về tên gọi Mỵ Châu. Lâu nay nhiều người lầm tưởng Mỵ Châu là tên riêng, nhưng hiểu như vậy là không đúng. Vì Theo *Lĩnh Nam chích quái*: truyện Hồng Bàng các con gái Hùng Vương đều gọi là ***mỵ nương*** (hay ***mệ nàng***). ***Mỵ nương*** là tên chung. Gần đây con gái các lang đạo Mường vẫn được gọi là ***nàng, cô nàng***… Tiếng Việt cũng có các tên ***"mệ", "nường"***. Theo khảo cứu về mặt ngôn ngữ học, chữ ***"nàng"*** ban đầu vốn là chữ ***"nường"*** trong tiếng Việt cổ hàm ý chỉ cơ quan sinh dục của người đàn bà (trong câu tục ngữ: *"Ba mươi sáu cái nõ nường"*). Có lẽ thời cổ, phong tục còn chất phác, người ta gọi con trai hay con gái theo "cái giống", cũng như bây giờ ở nông thôn người ta còn gọi trẻ con là "thằng cu", là "cái đĩ". Vì vậy, tên ***"Mỵ"*** hay ***"Mỵ nương"*** không phải là tên riêng. Ban đầu nó để chỉ con gái nói chung. Do đó, chữ ***"Mỵ"*** trong ***"Mỵ châu"*** không phải là tên đệm mà cũng không phải có nghĩa là thuỳ mỵ đáng yêu. Nó là tên chung chỉ đàn bà, tương đương như các chữ "cô", "nàng", "ả"…ngày nay. Chỉ có chữ ***"Châu"*** là tên riêng. Chữ ***"châu"*** này là chỉ ngọc (ngọc châu, châu báu). Trong truyền thuyết, có chi tiết nói về việc máu Mỵ Châu biến thành ngọc. Đó là thí dụ về việc nhân cái nghĩa của

một tên riêng mà xây dựng một số tình tiết nào đó của cốt truyện như ta thường thấy trong nhiều truyện dân gian.

Việc An Dương Vương đặt tên con gái yêu của mình là ***Châu*** cũng phản ánh một phong tục cổ của người Việt. Các cuộc khai quật khảo cổ cũng phát hiện được nhiều đồ ngọc trong các mộ của ta. Thời đó một bộ phận nhân dân ta chuyên làm nghề khai thác ngọc (Trần Quốc Vượng, 2000: 296-301; Bùi Văn Nguyên, 1978: 62-69).

- *Về cái áo lông ngỗng:* Truyền thuyết nói rằng Mỵ Châu có chiếc áo lông ngỗng, thường khoác trên mình. Nàng hẹn với Trọng Thuỷ rằng, đi đến đâu nàng sẽ dứt áo lông mà rắc trên đường làm dấu. Khi Trọng Thuỷ theo Triệu Đà sang đánh Âu Lạc, y cứ nhận dấu lông ngỗng mà đuổi theo cha con An Dương Vương. Chạy tới bờ bể, đường cùng, An Dương Vương giết Mỵ Châu rồi đi xuống biển (Hàng năm cứ đến ngày giỗ Mỵ Châu, mồng 9 tháng Giêng, nhân dân Cổ Loa vẫn kiêng giết thịt ngan ngỗng). Vậy có thật ngày xưa người Việt có tục dùng lông ngan, lông ngỗng… làm áo, làm chăn không.

Điều đáng chú ý là trên những chiếc trống đồng, thạp đồng và nhiều hiện vật bằng đồng khác (thuộc niên đại một vài thế kỷ trước sau Công nguyên) ta thấy rất nhiều hình người hoá trang bằng lông chim. Tục dùng lông ngang, lông ngỗng làm chăn, áo còn được duy trì khá lâu về sau.

Như vậy, tài liệu khảo cổ và thư tịch cổ đều khẳng định, người Việt xưa có tục may chăn, áo bằng lông ngan, lông ngỗng. Những tài liệu ấy xác minh rằng, hình tượng Mỵ Châu khoác áo lông ngỗng trong truyền thuyết là một hình tượng hiện thực (Trần Quốc Vượng, 2000: 299-300).

- *Về nỏ thần An Dương Vương:* Theo L. Phơ-bách: "thần của người ta không phải cái gì khác hơn là sự thần thánh hoá bản chất của con người". Truyện nỏ thần An Dương Vương là sức mạnh trần tục đã mang hình thức của sức mạnh siêu trần tục. Truyện nỏ thần phản ánh tài năng khéo léo tuyệt vời của người Việt xưa trong việc chế tạo và sử dụng nỏ. Tài năng ấy còn được ghi lại trong lời tâu của Mã Viện gửi Hán Quang Vũ đế (25 - 27 SCN): ... "thần đem hơn vạn người Lạc Việt, quân quen chiến đấu, có hơn hai nghìn người, cung khoẻ tên sắc, bắn một lần mấy phát, tên bắn ra như mưa, trúng ai nấy chết" (*Thuỷ kinh chú*, quyển 37).

Sách *Bắc vật chí* (quyển 9) còn ca ngợi kỹ thuật cung nỏ của người Việt (bấy giờ được gọi là người Lý): "Giao Châu Di gọi là người Lý. Cung của người Lý dài vài thước,

tên dài hơn một thước, dùng đồng tốt làm đầu mũi tên; đầu mũi tên có bôi thuốc độc, tên trúng vào người nào, người ấy tất chết".

Sách *Việt kiệu thư* chép: "Đông Man xưa ở nước Nam Việt về thời Tần rất mạnh, về phép dùng nỏ thì lại càng giỏi lắm, mỗi phát tên bằng đồng xuyên qua hơn chục người" (Trần Quốc Vượng, 2000: 301).

Năm 1959, phát hiện kho mũi tên đồng tại Cầu Vực, năm 2005-2008, phát hiện dấu tích hệ thống lò đúc mũi tên đồng trong lòng đất Đền Thượng - góc Tây nam thanh Nội-Cổ Loa đã cho thấy, truyền thuyết nỏ thần cũng có cốt lõi lịch sử.

3.5. Cổ Loa qua tư liệu ngôn ngữ

Nói như Phan Khôi (1954) và được sự đồng tình của Giáo sư Trần Quốc Vượng, ngôn ngữ của một dân tộc là sản vật cổ nhất của dân tộc ấy, vì nó có cùng một lúc với dân tộc bắt đầu có. Vả lại, phải có một thực sự nào xảy ra trong dân tộc ấy mới có phản ánh của ngôn ngữ. Tư liệu Ngôn ngữ cổ ở Cổ Loa đã xác định được các địa danh cổ liên quan đến kinh đô Cổ Loa, nước Âu Lạc, tên Thục Phán - An Dương Vương và Mỵ Châu.

3.5.1. Về tên gọi Cổ Loa và thành Cổ Loa: Hiện nay ở Cổ Loa còn lưu giữ nhiều từ ngữ trong ngôn ngữ Việt cổ cũng như những từ có nguồn gốc từ ngữ hệ Tày Thái, Mường, Môn Khơ me... phản ánh sự dung hợp giữa các ngữ hệ trên vùng đất này. Ví dụ: tên nôm của Cổ Loa là ***Kẻ Chủ/Chạ Chủ***, bên cạnh những tên gọi khác như ***Khả Lũ, Kim Lũ và Cổ Loa.*** Theo cách giải thích dựa vào lối biến âm của tiếng Việt cổ, Giáo sư Trần Quốc Vượng đã tìm được cội nguồn của những mỹ tự này là ***Klủ***. Vốn xưa vùng đất này có tên nôm là ***Chủ***. Chữ ***Chủ*** (cũng như ***Trủ***) từ thế kỷ thứ 17 trở về trước được phát âm là //-***lủ*** với một tiền tố là b, t, k, p, g. Từ âm ***Klủ*** người ta mới đọc chệch ra thành các tên ***Khả Lũ, Kim Lũ và Cổ Loa***.(Trần Quốc Vượng, 2000: 270-295).

Viết lời giới thiệu cho cuốn sách của chúng tôi: *Cổ Loa - Trung tâm hội tụ văn minh sông Hồng*, cố Giáo sư Trần Quốc Vượng viết: "Tôi, do gắn bó với dân, nhất là dân làng ngoại biên Cổ Loa, đã tìm ra được tên nôm na, tên dân gian của Cổ Loa là ***Chạ chủ*** (Chạ = Làng = Cộng đồng sống chung…; Kiểu "chung chạ).

Từ đó, tôi đã hiểu vì sao sách *An Nam chí lược* của Lê Trắc đời Trần (1333) lại gọi thành này là thành ***Khả lũ*** và thần tích thời Lê lại gọi đây là ***Trang Kim Lũ***. Diễn trình ngữ âm là: ***Klủ*** *(Khả lũ)* – ***Kim lũ*** -> ***Chủ*** *(Cổ (kổ) Loa)* (Hoàng Văn Khoán (Cb) và các cộng sự, 2002: 4).

Về tên thành Cổ Loa, theo cố GS. Trần Quốc Vượng, thành Cổ Loa không hề được xây theo hình xoáy trôn ốc, tuy luỹ thành có chạy quanh co (vì phải theo điều kiện địa hình). Tất nhiên, cái hình dáng quanh co của thành cũng là một cứ liệu mà người ta dựa vào để hư cấu ra truyền thuyết "thành xây hình xoáy ốc".

Ngoài tên ***Khả Lũ,*** Cổ Loa còn mang một tên nữa ***"trang Kim lũ".*** Tên này thấy trong bản *Ngọc phả đền An Dương Vương* do Nguyễn Bính soạn năm Hồng Phúc thứ nhất (1572). Ngọc phả cho biết, Cổ Loa là trại Phong Khê (tên huyện thời Hán – TQV) sau đổi thành ***trang Kim Lũ***, sau đổi thành ***trang Cổ Loa***. Trang là một đơn vị xã hội thời Lý - Trần và đầu thời Lê. Có lẽ tên Kim Lũ cũng được lưu hành trong khoảng thời gian đó.

Cả ba tên "Hán Việt" này, nhất là âm tố sau, phát âm gần giống nhau, nên có thể chúng đều bắt nguồn từ một tên thứ tư, mà là một tên Nôm. Huyện Thanh Trì cũng có ***trang Kim Lũ*** là phiên âm của từ ***Lủ*** được thêm chữ ***Kim*** ở đầu tên cho văn vẻ và có nghĩa lý. Đây cũng là một nguyên tắc rất căn bản của việc chuyển tên làng Việt Nam, vốn là tên nôm từ đơn âm tiết, sang tên Hán Việt, từ song âm tiết. Tỉnh Hà Nam cũng có làng Ngọc Lũ (nơi phát hiện ra trống đồng Ngọc Lũ nổi tiếng thế giới), tên nôm là làng ***Chủ***. ***"Chủ"*** (cũng như ***trủ***) từ thế kỷ 17 trở về trước được phát âm là ***-lủ*** với một tiền tố b, t, k, p, g… Còn chữ "ngọc" cũng như chữ "kim" chỉ là một chữ mới thêm vào trong quá trình chuyển từ nôm sang tên Hán Việt. Chữ nôm khi ghi các từ có phụ âm đầu ***tr*** đều ghi âm bằng chữ Hán có phụ âm ***l***.

Từ ***"Chạ"*** là gì? Trong tiếng Việt hiện đại, ***chạ*** chỉ xuất hiện trong một vài thành ngữ như chung chạ (ăn chung ở chạ), lang chạ (nằm lang ngủ chạ). Yếu tố chạ này được xử lý như một bộ phận từ ghép đẳng lập (ngang hàng) tương đối độc lập (gồm 2 yếu tố cùng nghĩa hoặc cùng phạm trù ngữ nghĩa). Như vậy, ***chạ*** hẳn trước một từ độc lập như ***han*** (trong hỏi *han*) trong tiếng Việt thế kỷ 15. Cách dùng này còn thấy trong tên chùa: Ba Chạ (ở làng Mạch Tràng). **Xép** và **Sằn** hiện nay còn giữ được cái nền và cái tên gọi cũ.

Như vậy, ***"chạ"*** là một danh từ chỉ một đơn vị xã hội tương đương với làng hay xã, tức là chỉ một khối cộng đồng (chung - chạ)…tên là ***Chủ,*** hay xưa hơn là ***klủ*** (Trần Quốc Vượng, 2000: 270 - 295).

3.5.2. Về tên gọi Thục Phán: Giáo sư Trần Quốc Vượng cùng với GS. Cầm Trọng phục nguyên từ ***Thục Phán*** là ***Túc Phắn***. Các tác giả cho rằng, ngữ nguyên của tên THỤC PHÁN: Đấy không phải là tên người (kiểu THỤC là họ PHÁN là tên riêng) mà đó

là cái tên "chức năng", tiếng Tày cổ, có thể phục nguyên là TÚC PHẮN nghĩa là THỦ LĨNH ĐI MỞ ĐẤT MƯỜNG (Phanh/Phắn Mường). Đấy là thời đại của các *chiefdoms* và *localchief taims* (thủ lĩnh địa phương) (Trần Quốc Vượng, 2000: 270-295).

3.6. Cổ Loa qua tư liệu văn hoá dân gian

Kết quả điền dã và nghiên cứu cho biết, các truyện dân gian và lễ hội truyền thống ở Cổ Loa hiện nay có liên quan mật thiết với các sự kiện được thư tịch cổ ghi chép và phù hợp với những phát hiện mới về khảo cổ học gần đây ở Kinh đô Cổ Loa, như: Kim Quy, Nỏ thần, tục trở về nguồn, Mỵ Châu - Trọng Thuỷ... Đó là nguồn tư liệu không kém phần quan trọng minh chứng cho lịch sử Cổ Loa.

Về sự tích thần Kim Quy, như chúng ta đều biết, mặc dù đã lợi dụng, khai thác tối đa những nơi đất tự nhiên có kết cấu tốt vào mục đích tiết kiệm công đắp thành và tăng độ vững chắc của tường thành, song cũng không thể tránh khỏi những đoạn tường thành phải đắp qua những khu vực địa hình thấp, đất yếu. Ở những nơi thành đắp qua các dải trũng cắt vào thềm sông, do nền đất được cấu tạo bởi tập sét bùn nhão chứa hữu cơ nên chắc chắn việc đắp thành gặp nhiều khó khăn. Theo mô tả trong sự tích thần Kim Quy thì "thành cứ xây lên lại đổ". Nhưng, với kinh nghiệm và kỹ thuật gia cố dưới chân thành bằng các vật liệu cứng như gỗ, đá, thành đã được xây đắp vững chắc. Để ca ngợi tinh thần lao động cần cù, sáng tạo của nhân dân ta, những khó khăn mà An Dương Vương gặp phải khi xây dựng thành, đồng thời cũng thể hiện vai trò và quyền uy của An Dương Vương trong việc huy động và chỉ huy một lực lượng đông đảo quân dân Âu Lạc trong việc đắp thành Cổ Loa, sự tích thần Kim Quy đã ra đời.

3.7. Kinh đô Cổ Loa từ kết quả nghiên cứu của Khoa học Tự nhiên

Tư liệu khảo cổ học - môi trường kết hợp với kết quả phân tích niên đại tuyệt đối, nghiên cứu cổ sinh giúp cho những đánh giá, nhận định của nhà khoa học có thêm những căn cứ quan trọng, đảm bảo độ trung tực và chính xác trong khoa học.

Những niên đại tuyệt đối đã ủng hộ niên đại tương đối mà các nhà khảo cổ học xác định qua nghiên cứu so sánh các di tích, di vật, phù hợp với ghi chép của thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian tại Cổ Loa. Ví dụ: Mẫu than lấy trong các lò đúc mũi tên đồng ở Đền Thượng cho niên đại 159 $\pm$ 50BC và 150 $\pm$ 30BC. Gần đây, phân tích các mẫu than nằm cùng lớp gốm Đông Sơn trong di tích thành - luỹ sớm nằm dưới lớp đất đắp

thành Trung tại xóm Thượng cho niên đại 176 ± 30BC (Nam Kim và các cộng sự, 2010: 46-61).

Đặc biệt, với kết quả nghiên cứu cổ sinh như: giám định di cốt người, xương răng động vật, kết quả phân tích bào tử phấn hoa… đã cung cấp những tư liệu về môi trường, chủ nhân các nền văn hóa khảo cổ, cảnh quan Cổ Loa thời cổ, đồng thời còn giải thích rõ về sự tồn tại của lớp than bùn, những thân cây lớn nằm sâu trong lòng đất Cổ Loa và sự tồn tại của các di tích xương răng động vật trong các di chỉ khảo cổ.

Từ việc nghiên cứu tư duy, nhân sinh quan, vũ trụ quan, cố GS. Trần Quốc Vượng đã phát hiện được quan niệm cặp đôi, hay tư duy lưỡng hợp trong cấu trúc xã hội thôn xóm Cổ Loa:

+ Xóm Nhồi trên/Xóm Nhồi dưới;

+ Xóm Đông Thượng/Xóm Đông hạ;

+ Xóm Lan Trì/Xón Gà

Đều là cấu trúc đôi "chia hai hoà một" qua một lạch/hào nước, giống hệt như:

+ Thái Bình/Nam Định = Sơn Nam hạ (qua sông Hồng);

+ Sơn Tây/Vĩnh Phức = Xứ Đoài (qua sông Hồng);

+ Bắc Ninh/Bắc Giang = Kinh Bắc (qua sông Cầu)…

KẾT LUẬN

1. Bức tranh toàn cảnh về Kinh đô Cổ Loa với mảng màu tươi sáng khá rộng, nhưng vẫn còn những mảng sẫm màu. Đó là những vấn đề chưa thống nhất, chẳng hạn như vấn đề ngồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương, niên đại vòng thành trong cùng,... cần tư liệu không chỉ của khảo cổ học mà của nhiều ngành khoa học chứng minh.

2. Văn hoá Đông Sơn là cơ sở vật chất cho sự hình thành, phát triển của nhà nước Âu Lạc thời An Dương Vương đã được chứng minh khá rõ ràng. Tuy nhiên, sau khi thành lập và quá trình xây dựng đất nước trong khoảng 30 năm, văn minh Âu Lạc đạt được những thành tựu gì vẫn là vấn đề chưa được giải đáp thoả dáng.

Trong và ngoài phạm vi Kinh đô Cổ Loa, trong các lớp đất đắp thành Cổ Loa phát hiện được khá nhiều loại di vật được gọi chung là "Gốm Cổ Loa". Bao gồm gạch, ngói âm, ngói dương (thân và đầu ngói ống) với nhiều loại hình, kích thước, độ nung và hoa văn trang trí. Song, chức năng của chúng còn nhiều ý kiến khác nhau. Chúng tôi đã giả định khả năng chúng được sử dụng lợp các kiến trúc có quy mô lớn và tráng lệ kiểu lâu đài,

cung điện… của nhà vua và triều đình nhà nước Âu Lạc. Nhưng sự hiện diện của chúng cùng với gốm thô văn hoá Đông Sơn muộn và trên diện rộng ở nhiều loại địa hình và nhất là trong lớp đất đắp 3 vòng thành Cổ Loa, cạc mặt thành hiện nay trên dưới 1m thì khó giải thích.

3. Cổ Loa được khai quật chưa nhiều, hy vọng sau Quy hoạch tổng thể, khu di tích Cổ Loa sẽ được nghiên cứu tổng thể với sự tham gia của nhiều ngành khoa học, các vấn đề khoa học xung quanh khu di tích Cổ Loa sẽ được sáng rõ thêm.

TÀI LIỆU DẪN

1. **Bùi Văn Nguyên, 1978.** Dã sử nói về An Dương Vương. *Khảo cổ học*, số 2: 62 - 69.
2. **Đỗ Văn Ninh, 1989.** *Đô thị cổ Việt Nam*. Uỷ Ban Khoa học xã hội Việt Nam- Viện Sử học xuất bản, Hà Nội: 76.
3. **Hà Văn Tấn (Cb), 1999.** *Khảo cổ học Việt Nam. Tập II: Thời đại Kim khí Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội: 30.
4. **Hoàng Văn Khoán (Cb), Lại Văn Tới, Nguyễn Lâm Anh Tuấn, 2002.** *Cổ Loa - Trung tâm hội tụ văn minh sông Hồng*. Viện Văn hoá, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội: 14.
5. **Lại Văn Tới, 2015.** Cổ Loa - Kinh đô của Nhà nước Âu Lạc thế kỷ 3-2 TCN. *Toàn cảnh Khảo cổ học Việt Nam.* Hội thảo quốc tế từ 29/2 - 2/3/2012, tại Hà Nội. in collaboration with the LWL - Museum for Archaeology Herne, the Reiss - Engelhorn - Museen Mannheim, and the German Archaeological Institute - Berlin/Bonn: 129 - 156.
6. **Lâm Thị Mỹ Dung, 2011.** Giáo sư, Nhà giáo ưu tú Trần Quốc Vượng thầy tôi, cây đại thụ của nền sử học Việt Nam. Trong *55 năm ấy*. Nxb Thế giới, Hà Nội: 159 - 167.
7. **Nam C Kim, Lại Văn Tới và Trịnh Hoàng Hiệp, 2010**. Thành lũy, chiến tranh và chính trị tập trung qua các cuộc khai quật lũy - hào thành Trung (Cổ Loa - Đông Anh - Hà Nội). *Khảo cổ học*, số 3: 46-61.
8. **Nguyễn Quang Ngọc, Vũ Văn Quân, 2007**. *Địa chí Cổ Loa*. Nxb Hà Nội:5-6, 171, 477.

9. **Phan Khôi, 1954.** Thử tìm hiểu sử liệu Việt Nam trong ngôn ngữ. *Tập san nghiên cứu Sử ký - Địa Lý - Văn học (Văn - Sử - Địa)*, số 2, tháng 6/1954: 59.
10. **Trần Quốc Vượng, 1969.** Cổ Loa: Những kết quả nghiên cứu vừa qua và những triển vọng tới. *Khảo cổ học*, số 3: 104.
11. **Trần Quốc Vượng, 1969.** T/cđd: 102, 114, 126.
12. **Trần Quốc Vượng, 1988.** *Cổ Loa truyền thống và cách mạng*, Đảng uỷ xã Cổ Loa xuất bản, Hà Nội, tr. 42 – 43;
13. **Trần Quốc Vượng, 1998.** Đông Anh truyền thống và cách mạng. Trong *Việt Nam cái nhìn địa văn hoá*. Nxb Văn hoá Dân tộc, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội: 99-106).
14. **Trần Quốc Vượng, 2000.** Tư bạch của Trần Quốc Vượng - hiện là giáo sư, Đại học quốc gia Hà Nội từ 1980 đến nay. Trong *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*. Nxb Văn hoá Dân tộc, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, Hà Nội: 977.
15. **Trần Quốc Vượng, 2000.** Sđd: 151-162.
16. **Trần Quốc Vượng, 2000.** Sđd: 270-295.
17. **Trần Quốc Vượng, 2000.** Sđd: 296-301
18. **Viện Khảo cổ học, Trung tâm bảo tồn Di sản Thăng Long-Hà Nội, 2014**. *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ họcm ụ hoả hồi và thành Nội khu di tích Cổ Loa, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh thành phố Hà Nội (09 – 11/2014*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

Tóm tắt

KINH ĐÔ CỔ LOA: QUA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH

PGS.TS. Lại Văn Tới

(Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành)

Sau khi thành lập nước Âu Lạc (năm 208 BC), An Dương Vương đã chọn Cổ Loa làm Kinh đô và xây dựng ở đó một toà thành lớn. Đấy là thành Cổ Loa, Kinh đô của nước Âu Lạc. Quy mô của Kinh đô Cổ Loa là phạm vi phân bố của thành Cổ Loa, với tổng chiều dài 16.150m

Kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho biết: i) Trước khi là Kinh đô, khu vực Cổ Loa đã có nhiều lớp cư dân cổ cư trú đông đúc, kinh tế - xã hội phát triển cao, là nơi sáng

giá để An Dương Vương chọn định đô, xây thành; ii) Quy mô, cấu trúc của Kinh đô Cổ Loa; iii) Kỹ thuật đắp thành của An Dương Vương và phần tu bổ, bồi đắp, xây dựng thêm về sau.

Nghiên cứu địa - khảo cổ đã làm rõ kỹ thuật gia cố chân thành và hình dáng của các vòng thành, nguồn gốc vật liệu đắp thành và nhận biết được loại địa hình âm và dương, địa hình nhân văn và tư nhiên ở đây.

Tư liệu khảo cổ học - môi trường, kết quả phân tích bào tử phấn hoa đã giải thích về sự tồn tại của lớp than bùn trong lòng đất Cổ Loa; của xương răng động vật trong các di chỉ khảo cổ; việc tận dụng điều kiện tự nhiên để đắp thành, khiến Cổ Loa là một toà thành kiên cố, có quân thuỷ, bộ liên hoàn và là đường thuỷ nối Cổ Loa với một vùng rộng lớn.

Kết quả phân tích niên đại tuyết đối, thành phần đồ đá, gốm, kim loại đã mang lại sự chính xác, trung thực và khách quan trong những đánh giá, nhận định về Kinh đô Cổ Loa.

Nghiên cứu ngôn ngữ và khu vực học đã giúp cho việc xác định các địa danh cổ liên quan đến Kinh đô Cổ Loa, nước Âu Lạc, tên Thục Phán - An Dương Vương và Mỵ Châu.

Các truyện dân gian và lễ hội truyền thống ở Cổ Loa hiện nay có liên quan mật thiết với các sự kiện được thư tịch cổ ghi chép và phù hợp với những phát hiện mới về khảo cổ học gần đây ở Kinh đô Cổ Loa.

Như vậy, chỉ có nghiên cứu liên ngành mới giúp cho các chúng ta hiểu biết khá đầy đủ và toàn diện về Kinh đô Cổ Loa của nước Âu Lạc đời An Dương Vương.

Địa chỉ liên hệ:

Lại Văn Tới - Trung tâm Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm KHXHVN (VASS)

109 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội

(Email: laivantoitckch@gmail.com;

Dđ: 0913056831; CQ: 08045591)